

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2024/DS-ST

Ngày: 30-5-2024

Về tranh chấp HĐ góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Võ Đức Huy.

2- Ông Nguyễn Văn Năm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 425/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63a/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng hóp hụi, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Long An. (có mặt)

Bị đơn:

1- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp 1, xã M, huyện T, tỉnh Long An. (vắng mặt)

2- Ông Nguyễn Hồng D, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05-10-2023 và đơn kiện bổ sung ngày 03-01-2024, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim C trình bày: Bà T và ông D có tham gia góp 02 dây hụi do bà C làm chủ, hụi mỗi tháng khai một lần, cụ thể:

Dây hụi 1.000.000 đồng, mở thăm lần đầu vào ngày 20-10-2020, dây hụi có 25 phần, bà T tham gia 01 phần và đã hốt hụi ở kỳ khai lần thứ 3, bà T đóng hụi đến kỳ thứ 15, từ kỳ hụi lần thứ 16 đến mãi hụi bà T không đóng hụi.

Dây hụi 2.000.000 đồng, mở thăm lần đầu vào ngày 30-10-2021, dây hụi có 20 phần, bà Trọn tham gia 01 phần và bà T đã hốt hụi ngay kỳ khai lần đầu. Bà T đóng hụi đến kỳ thứ 6, từ kỳ thứ 7 đến mãn hụi bà T không đóng hụi.

Bà C là chủ hụi đã đóng hụi thay bà T tổng số tiền là 38.000.000 đồng, do đó bà C khởi kiện yêu cầu bà T và ông Nguyễn Hồng D là chồng bà T phải trả cho bà C số tiền là 38.000.000 đồng.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị T vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

Bị đơn là ông Nguyễn Hồng D trình bày: Ông D và bà T cư ngụ ở ấp 1, xã M, huyện T sống chung như vợ chồng từ năm 2018, không có đăng ký kết hôn. Thời gian sống chung ông D và bà T có 01 con chung nay đã 05 tuổi. Hiện tại ông D và bà T không còn sống chung, con chung sống với bà T, bà T đi làm ăn nơi khác không rõ địa chỉ. Ông D biết bà T có tham gia góp hụi do bà C làm chủ và bà T đã hốt các phần hụi, tiền hốt hụi bà T làm gì ông D không biết. Sau khi bà T bỏ đi thì bà C có đến gặp ông D lấy tiền hụi, lúc đó ông D bị bệnh không đi làm được nên không có tiền đóng hụi. Nay bà C khởi kiện yêu cầu ông D và bà T trả 38.000.000 đồng thì ông D đồng ý trả cho bà C 38.000.000 đồng và đề nghị bà C cho trả dần mỗi tháng 500.000 đồng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải, bà C đồng ý cho ông D trả dần mỗi tháng 500.000 đồng nhưng sau đó bà C thay đổi ý kiến có văn bản gửi Tòa án, bà C yêu cầu bà T phải liên đới cùng ông D trả tiền cho bà C.

Tại phiên tòa bà C xác định vào tháng 3, tháng 4, tháng 5 năm 2024 ông D đã trả cho bà C số tiền 1.500.000 đồng, do đó bà C yêu cầu bà T cùng với ông D trả số tiền còn lại là 36.500.000 đồng. Bà C đồng ý cho ông D và bà T trả dần mỗi tháng 500.000 đồng như đề nghị của ông D, nếu ông D và bà T vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì bà C có quyền yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền còn lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim C yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Hồng D trả cho bà C 38.000.000 đồng là tiền bà C đã đóng hụi thay, như vậy tranh chấp giữa bà C với bà Trọn và ông D là tranh chấp về hợp đồng góp hụi. Căn cứ theo Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm. Tòa án đã tổng đạt thông báo phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bị đơn không có mặt, do đó Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo lời trình bày của bà C, ông D và tài liệu đã thu thập xác định bà T và ông D có tham gia 02 dây hụi do bà C làm chủ, hụi hoa hồng và có lãi, mỗi tháng khai một lần, cụ thể:

Dây hội 1.000.000 đồng, mở thăm lần đầu vào ngày 20-10-2020, dây hội có 25 phần, bà T tham gia một phần và đã hốt hội ở kỳ khai lần thứ 3, bà T đóng hội đến kỳ thứ 15, từ kỳ thứ 16 đến mãn hội bà T ngưng không đóng hội.

Dây hội 2.000.000 đồng, mở thăm khai lần đầu vào ngày 30-10-2021, dây hội có 20 phần, bà T tham gia 01 phần và bà T đã hốt hội ngay kỳ khai lần đầu. Bà T đóng hội đến kỳ thứ 6, từ kỳ thứ 7 đến mãn hội bà T không đóng.

Bà T không đóng lại các phần hội của bà tham gia và bà C là chủ hội đã đóng thay cho bà T đến khi mãn hội với tổng số tiền là 38.000.000 đồng, sự việc này được ông D là người sống như vợ chồng với bà T thừa nhận. Như vậy, bà C yêu cầu bà T và ông D phải trả cho bà C số tiền mà bà C đã đóng hội thay là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 17, Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ nên chấp nhận. Bà Chi trình bày vào từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2024 ông D đã trả cho bà C số tiền 1.500.000 đồng, do đó bà T và ông D phải trả tiếp số tiền còn lại là 36.500.000 đồng.

[3] Về trả lãi đối với số tiền chậm góp hội: Nguyên đơn không có yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về đề nghị cho trả nợ dần của bị đơn: Trong quá trình tố tụng, bị đơn là ông D đề nghị bà C cho trả mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền bà C yêu cầu. Tại phiên tòa bà C cũng đồng ý cho bị đơn trả dần mỗi tháng 500.000 đồng như đề nghị của ông D, trường hợp ông D và bà T vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì bà C có quyền yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền còn lại. Việc bà C cho bị đơn trả nợ dần là tự nguyện, có lợi cho bị đơn do đó Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Trọn và ông Dũng phải chịu tiền án phí là 1.825.000 đồng, bà C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 17, Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim C đối với bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Hồng D về hợp đồng góp hội.

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Hồng D phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền là 36.500.000 (Ba mươi sáu triệu năm trăm ngàn) đồng.

Ông Nguyễn Hồng D và bà Nguyễn Thị T trả mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền nêu trên.

Trường hợp ông D và bà T vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì bà C có quyền yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền còn lại.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối số tiền chưa trả, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Hồng D phải liên đới chịu 1.825.000 (Một triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn) đồng.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị Kim C tiền tạm ứng án phí đã nộp là 950.000 (Chín trăm năm mươi ngàn) đồng, theo biên lai thu số 0007999 ngày 28-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

4. Án này xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 30-5-2024. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Trần Quốc Tiến

